

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-VX

Bình Định, ngày tháng 5 năm 2023

V/v báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo quy định tại Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bình Định

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 4442/BTC-NSNN ngày 05/5/2023 của Bộ Tài chính về việc báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động; trên cơ sở báo cáo kết quả thực hiện của UBND các huyện, thị xã, thành phố và đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 1455/STC-QLNS ngày 10/5/2023, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo quy định tại Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

- Tổng kinh phí ngân sách Trung ương đã bổ sung mục tiêu cho ngân sách địa phương năm 2022 là 47.670 triệu đồng (Công văn số 6842/BTC-NSNN ngày 15/7/2022 của Bộ Tài chính);

- Tổng số quyết toán là 5.583,5 triệu đồng (Chi tiết Phụ lục kèm theo).

(Có xác nhận của Kho bạc Nhà nước Bình Định gửi kèm theo).

- Số kinh phí còn lại là 42.086,5 triệu đồng.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;
- Vụ NSNN;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, LĐ-TB&XH;
- CVP, PVP VX;
- Lưu: VT, 17, K20.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

Phụ lục

**BẢNG TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH THUÊ NHÀ Ở CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 08/2022/QĐ-TTG NGÀY 28/3/2022 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

(Kèm theo Công văn số

/UBND-VX ngày

/5/2023 của UBND tỉnh Bình Định)

ĐVT: đồng

STT	Đơn vị	Số đối tượng hỗ trợ	Trong đó		Mức hỗ trợ	Số tháng hỗ trợ	Số tiền	Ghi chú
			Người lao động đang làm việc trong doanh nghiệp	Người lao động quay lại thị trường lao động				
A	B	1=2+3	2	3	4	5	6	
Tổng cộng		3.676	3.295	381		3	5.583.500.000	
1	Thành phố Quy Nhơn	3.069	2.716	353			4.718.500.000	
		13	13		500.000	1	6.500.000	
		35	35		500.000	2	35.000.000	
		2.668	2.668		500.000	3	4.002.000.000	
		122		122	1.000.000	1	122.000.000	
		140		140	1.000.000	2	280.000.000	
		91		91	1.000.000	3	273.000.000	
2	Thị xã An Nhơn	195	189	6			296.000.000	
		1	1		500.000	2	1.000.000	
		188	188		500.000	3	282.000.000	
		5		5	1.000.000	2	10.000.000	
		1		1	1.000.000	3	3.000.000	
3	Huyện Tuy Phước	125	114	11			193.000.000	
		114	114		500.000	3	171.000.000	
		4		4	1.000.000	1	4.000.000	
		3		3	1.000.000	2	6.000.000	
		4		4	1.000.000	3	12.000.000	
4	Huyện Phù Cát	197	187	10			241.500.000	

STT	Đơn vị	Số đối tượng hỗ trợ	Trong đó		Mức hỗ trợ	Số tháng hỗ trợ	Số tiền	Ghi chú
			Người lao động đang làm việc trong doanh nghiệp	Người lao động quay lại thị trường lao động				
		36	36		500.000	1	18.000.000	
		38	38		500.000	2	38.000.000	
		113	113		500.000	3	169.500.000	
		5		5	1.000.000	1	5.000.000	
		4		4	1.000.000	2	8.000.000	
		1		1	1.000.000	3	3.000.000	
5	Huyện Phù Mỹ	20	20		500.000	3	30.000.000	
6	Thị xã Hoài Nhơn	36	35	1			53.500.000	
		1	1		500.000	1	500.000	
		2	2		500.000	2	2.000.000	
		32	32		500.000	3	48.000.000	
		1		1	1.000.000	3	3.000.000	
7	Huyện Vân Canh	34	34		500.000	3	51.000.000	